

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Cẩm Châu, ngày tháng 12 năm 2023

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn xã Cẩm Châu

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

Trong năm 2023, hoạt động Chuyển đổi số đã được các cấp ủy đảng, chính quyền trên địa bàn xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt được những kết quả quan trọng. Nhận thức về Chuyển đổi số của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Việc chuyển đổi các hoạt động quản lý nhà nước từ phương thức truyền thống sang ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ văn bản giấy sang môi trường số được đẩy mạnh và đạt kết quả bước đầu rất đáng trân trọng; nhiều sản phẩm, dịch vụ thiết thực được đưa ra phục vụ kịp thời, hiệu quả người dân, doanh nghiệp.

Hạ tầng công nghệ thông tin, các nền tảng số tiếp tục được phát triển từ cấp xã đến thôn, đáp ứng cơ bản nhu cầu Chuyển đổi số.

Hạ tầng mạng viễn thông, Internet được phủ rộng khắp trên địa bàn xã.

Dịch vụ công trực tuyến được triển khai ngày càng hiệu quả, sâu rộng, cung cấp 32 dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình phục vụ các cá nhân, tổ chức thực hiện các TTHC một cách nhanh chóng và thuận tiện.

Việc phát triển kinh tế số, xã hội số được quan tâm, nhiều doanh nghiệp tích cực tham gia Chuyển đổi số. Thuế điện tử, hóa đơn điện tử được phổ cập. Người dân tích cực sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trong các hoạt động kinh tế, xã hội.

Công tác phối hợp, tổ chức thực hiện hoạt động Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và tình hình thực tế của địa phương. Hoạt động Chuyển đổi số đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn xã.

UBND xã Cẩm Châu báo cáo kết quả thực hiện chương trình chuyển đổi số năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 về việc thực hiện chuyển đổi số như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

Thực hiện đánh giá các mục tiêu đạt được năm 2022 theo Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2022; Kế hoạch số 272/KHUBND ngày 21/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 176/QĐUBND ngày 10/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số của Bộ chủ quản; Kế hoạch số 127/KH-UBND, ngày 23/10/2021 của UBND huyện Cẩm Thủy về việc chuyển đổi số trên địa bàn huyện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 03/03/2022 của UBND xã Cẩm Châu về việc chuyển đổi số trên địa bàn xã đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Nhận thức số.

1.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được: Việc tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số được triển khai tại các Hội nghị, giao ban, tập huấn; hội nghị trực tuyến các cấp được kết nối đến xã.

Trong năm 2023 đã tham gia 10 hội nghị tập huấn về chuyển đổi số do cấp tỉnh và cấp huyện tổ chức, bao gồm hội nghị tập huấn trực tiếp và hội nghị trực tuyến.

UBND xã đã tổ chức tập huấn, tuyên truyền 03 lớp chuyển đổi số cho Ban chỉ đạo số xã và tổ công nghệ số cộng đồng trên toàn xã.

100% Tổ giúp việc xã, tổ chuyển đổi số cộng đồng cấp xã tham gia khóa bồi dưỡng phổ cập kỹ năng số cộng đồng đến thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng và hướng dẫn người dân cùng tham gia.

Số tin, bài về chuyển đổi số đăng trên trang/ cổng thông tin điện tử xã Cẩm Châu gồm: 68 tin bài, (Số liệu tính từ 01/01 đến 12/12/2023).

Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã có 120 tin bài. Đồng thời tiếp sóng các chương trình của đài PTTH tỉnh và Đài tiếng nói việt nam và đài Huyện.

b) Tồn tại, hạn chế: Công tác chuyển đổi số, đã được quan tâm, nhưng chưa thực sự quyết liệt, nguồn kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số chưa nhiều, do kinh phí địa phương hạn hẹp.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được: Được sự quan tâm của Đảng Ủy, UBND, UBMTTTT và các đoàn thể từ cấp xã đến thôn, trên địa bàn xã đã có những sáng kiến bài học hay như:

Hiện nay trên địa bàn xã Cẩm Châu đã được trang bị hệ thống mạng internet đến 5/5 thôn phục vụ cho công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã để triển khai các nhiệm vụ cũng như khi tiếp thu các chương trình học tập... từ trung ương, tỉnh, huyện đều được thực hiện trên hệ thống trực tuyến.

Ra mắt 03 Mô hình tổ liên gia phòng cháy trên địa bàn thôn Trung Độ, xã Cẩm Châu. Hệ thống chuông báo cháy được kết nối giữa các hộ gia đình trong cùng tổ, dễ dàng báo động và huy động lực lượng tại chỗ.

Mô hình Camera an ninh được thực hiện tốt, hiện nay trên địa bàn xã đã lắp đặt, ra mắt được mô hình camera an ninh với 32 mắt.

Các mô hình được kết nối với UBND xã, công an xã để thực hiện giám sát an toàn an ninh trật tự trên địa bàn xã.

b) Tồn tại, hạn chế: công tác tuyên truyền được quan tâm, nhưng đôi lúc chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

2. Thể chế số.

2.1. Ban hành các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số.

a) Kết quả đạt được: Trong năm 2023 UBND xã đã ban hành các công văn, kế hoạch, quyết định, báo cáo như sau:

- Công văn Số: 86/UBND-VHXXH ngày 14/02/2023 của UBND xã Cẩm Châu về việc tăng cường thực hiện hoàn thành chỉ tiêu chuyển đổi số tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 18/03/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa trên địa bàn xã Cẩm Châu; Công văn Số:149/UBND-VHXXH ngày 24/3/2023 Về việc Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác chuyển đổi số thuộc ngành, lĩnh vực được phân công trên địa bàn xã năm 2023; Công văn Số 157/CV-UBND ngày 27/03/2023 về tuyên truyền về việc thống nhất nhận thức chung về sự khác nhau giữa CNTT và chuyển đổi số; Công văn Số 193/CV-UBND ngày 30/03/2023 về thực hiện kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 01-03-2023 về việc tuyên truyền chuyển đổi số trên địa bàn huyện Cẩm Thủy năm 2023; Công văn số 219/CV-UBND ngày 17/04/2023 về hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký tài khoản, tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trên Cổng thông tin đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp; công văn Số 365/CV-UBND ngày

07/06/2023 về thực hiện chỉ tiêu đối với các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã; Công văn số 461/CV-UBND ngày 14/07/2023 về Tiếp tục Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã Cẩm Châu; Công văn số 547/CV-UBND ngày 14/08/2023 về triển khai thực hiện Thông báo kết luận tại Hội nghị trực tuyến sơ kết 6 tháng đầu năm 2023 về tình hình thực hiện công tác chuyển đổi số quốc gia và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 572/CV-UBND ngày 25/08/2023 về việc Khẩn trương hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số năm 2023; Công văn số 628/CV-UBND ngày 29/09/2023 về thực hiện tuyên truyền hưởng ứng ngày chuyển đổi số Quốc gia năm 2023; Công văn số 649/CV-UBND ngày 03/10/2023 về việc lưu ý một số nội dung đào tạo, tư vấn và lựa chọn các giải pháp, nền tảng số trong Chuyển đổi số; Công văn số 662/CV-UBND ngày 05/10/2023 về giao nhiệm vụ thực hiện, duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá chuyển đổi số hàng năm; Công văn số 680/CV-UBND ngày 18/10/2023 về phổ biến, giới thiệu Bộ sách về Chuyển đổi số; Công văn số 715/CV-UBND ngày 15/11/2023 về tổng hợp báo cáo phân công cán bộ, công chức chuyên trách, kiêm nhiệm làm công tác chuyển đổi số, công tác an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã; Công văn số 742/CV-UBND ngày 28/11/2023 về triển khai chữ ký số cho người dân trên địa bàn xã hoàn thành chuyển đổi số năm 2023; Công văn số 746/CV-UBND ngày 05/12/2023 về Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số xã Cẩm Châu năm 2023; Công văn số 754/CV-UBND ngày 11/12/2023 về Phân công cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hoàn thành hồ sơ chuyển đổi số trên địa bàn xã Cẩm Châu năm 2023; Công văn số 762/CV-UBND ngày 18/12/2023 Về việc hoàn thiện hồ sơ hoàn thành chuyển đổi số năm 2023; Công văn số 765/CV-UBND ngày 19/12/2023 về đề nghị hỗ trợ cung cấp danh sách các cá nhân trên địa bàn xã Cẩm Châu có sử dụng tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt, nhằm hoàn thiện hồ sơ hoàn thành Chuyển đổi số năm 2023; Công văn số 770/CV-UBND ngày 22/12/2023 Về việc triển khai kế hoạch năm 2024 về việc thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn huyện Cẩm Thủy...

- Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 24/02/2023 về kết quả thực hiện tuyên truyền chuyển đổi số năm 2022 trên đại bàn xã Cẩm Châu; Báo cáo số 68/BC-UBND ngày 21/03/2023 về kết quả thực hiện chuyển đổi số Quý I năm 2023; Báo cáo số 138/BC-UBND ngày 08/06/2023 Báo cáo kết quả chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2023; Báo cáo số 368/BC-UBND 08/06/2023 về Kết quả thực hiện các nội dung, chỉ tiêu Chuyển đổi số trên địa bàn Cẩm Châu; Báo cáo số 161/BC-UBND ngày 04/07/2023 về kết quả rà soát hoàn thành chuyển đổi số trên địa bàn xã Cẩm Châu;

- Kế hoạch số 107/2022/KH-UBND ngày 24/11/2022 Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn xã Cẩm Châu năm 2023; Kế hoạch số 45/KH - UBND ngày 21/03/2023 về tuyên truyền chuyển đổi số trên địa bàn xã Cẩm Châu năm 2023; Kế hoạch số 93/KH - UBND ngày 30/06/2023 về Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng và đối tượng Bảo trợ xã hội trên địa bàn xã Cẩm Châu;

- Quyết định số: 07/QĐ-BCĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2023 Về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số xã Cẩm Châu; Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 12/09/2023 Quyết định phân công cán bộ, công chức kiêm nhiệm công tác chuyển đổi số và công tác an toàn thông tin xã Cẩm Châu; Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã Cẩm Châu;

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023

a) Kết quả đạt được: Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã đã nêu cao vai trò, tinh thần trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; kịp thời đề xuất những giải pháp xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai nhiệm vụ được giao, cũng như các nhiệm vụ chuyển đổi số chung trên địa bàn xã. Thể hiện vai trò tiên phong của các thành viên Ban Chỉ đạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; hỗ trợ dẫn dắt, kêu gọi sự đồng hành của tổ chức, doanh nghiệp, người dân, cũng như huy động các nguồn lực xã hội cùng tham gia vào hoạt động chuyển đổi số, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong năm 2023

b) Tồn tại, hạn chế: Các thành viên Ban chỉ đạo chủ yếu là kiêm nhiệm, khối lượng công việc nhiều nên việc quan tâm, chỉ đạo tổ công nghệ số các thôn trong thực hiện chuyển đổi số còn chưa sâu, sát so với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được: Đến nay 100% các phòng làm việc của cán bộ, công chức xã đều được kết nối mạng (LAN) và Internet.

Hạ tầng trang thiết bị CNTT của cơ quan UBND xã gồm có: 21 máy tính, 21 máy in. Có 01 máy scan. Năm 2020 thực hiện xây dựng triển khai đưa vào sử dụng phòng họp không giấy. Hệ thống phòng họp trực tuyến được huyện đầu tư lắp đặt năm 2021 đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến 4 cấp từ cấp trung ương đến cấp xã. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bưu chính, viễn thông trên địa bàn xã cơ bản được đầu tư. Mạng cáp quang băng thông rộng đã được triển khai rộng khắp đến 100% trung tâm xã, và tới hầu hết các thôn. Hạ tầng mạng thông tin di động được phủ sóng đến 100% các

thôn trên địa bàn xã, tỷ lệ dân số được phủ sóng thông tin di động đạt 100%. Việc triển khai diện rộng các trạm BTS công nghệ băng rộng di động 3G, 4G tới 100% dân cư đã đảm bảo mức độ sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng, nhà nước và nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet chất lượng cao của các doanh nghiệp, nhân dân trên toàn xã. Hạ tầng kỹ thuật CNTT trên địa bàn xã từng bước được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng việc ứng dụng CNTT, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng của các cơ quan nhà nước; đảm bảo cung cấp dịch vụ, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Tính đến nay tỷ lệ cán bộ công chức cấp xã được trang bị máy tính làm việc là 100% , 01 máy tính/cán bộ, Công chức.

- 100% các cán bộ, công chức UBND xã đã có mạng LAN nội bộ và kết nối mạng Internet tốc độ cao phục vụ công tác.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến: Hiện có 01 điểm cầu hội nghị truyền hình trực tuyến đang phát huy hiệu quả, tạo môi trường hội họp hiện đại, thuận tiện, tiết kiệm chi phí, tiết kiệm thời gian, đảm bảo triển khai các cuộc họp nhanh chóng, nhất là trong các tình huống khẩn cấp như phòng chống dịch bệnh, bão lụt, thiên tai....

b) Tồn tại, hạn chế: Hạ tầng CNTT chưa được đầu tư đồng bộ, hiệu quả, do nguồn kinh phí hạn hẹp.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được: Hiện nay, việc triển khai các ứng dụng CNTT tại các bộ phận cán bộ, công chức chuyên môn UBND xã đã có nhiều chuyển biến tích cực; ngoài việc triển khai các ứng dụng dùng chung, các công chức chuyên môn còn được triển khai sử dụng các ứng dụng chuyên ngành, xây dựng hệ thống dữ liệu riêng nhằm phục vụ công tác quản lý.

Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Triển khai sử dụng thống nhất các phần mềm quản lý trường học Vnedu, Smas, Misa; Sổ liên lạc điện tử...

Lĩnh vực Y tế: Đã triển khai các phần mềm quản lý chuyên ngành trong lĩnh vực Y tế; chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở y tế với hệ thống quản lý bảo hiểm xã hội để chi trả chế độ theo quy định.

Lĩnh vực Tư pháp: Triển khai thực hiện ứng dụng CSDL lý lịch tư pháp và phần mềm quản lý hộ tịch; phần mềm quản lý hồ sơ công chứng; phần mềm quản lý xử lý vi phạm hành chính; hệ thống phổ biến giáo dục pháp luật.

Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội: Xây dựng CSDL hộ nghèo, cận nghèo và bảo trợ xã hội; CSDL thông tin về hồ sơ người có công; CSDL tài chính trợ cấp ưu đãi người có công...

Lĩnh vực BHXH: Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế (BHYT) cập nhật thông tin khám chữa bệnh cơ sở khám chữa bệnh BHYT; Hệ thống cấp mã số BHXH và quản lý thẻ BHYT hộ gia đình; kết nối liên thông cơ sở dữ liệu đăng ký khai sinh Bộ Tư pháp với cơ sở dữ liệu Quốc gia về BHXH để thực hiện liên thông cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi; triển khai ứng dụng VssID..

b) Tồn tại, hạn chế: ứng dụng các phần mềm đôi khi sử dụng còn lúng túng trong thực hiện trên các ứng dụng phần mềm.

5. Nền tảng số.

a) Kết quả đạt được: Duy trì hoạt động hiệu quả các phần mềm dùng chung của Tỉnh như:

Phần mềm Quản lý văn bản Hồ sơ công việc, Theo dõi nhiệm vụ, Thư điện tử công vụ, Một cửa điện tử.

Phần mềm quản lý văn bản và điều hành (phần mềm dùng chung): 100% văn bản được thực hiện trên môi trường mạng, trao đổi giữa UBND cấp xã và UBND Huyện đều thực hiện ký số. Các chuyên ngành kết nối liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia để gửi, nhận văn bản. Duy trì cập nhật, bổ sung đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã và đăng tải đầy đủ các lĩnh vực hoạt động, văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND trên trang/cổng thông tin điện tử xã.

Các công chức chuyên môn UBND xã thực hiện tốt các phần mềm chuyên ngành như Phần mềm Quản lý người có công, bảo trợ xã hội, hộ tịch, tra cứu văn bản quy phạm pháp luật, an toàn thực phẩm, Autocad, quản lý đất đai, tabmis, quản lý dự án, hệ thống thư điện tử Edu...

UBND xã có 01 trang thông tin điện tử (<https://camchau.camthuy.thanhhoa.gov.vn>) được nâng cấp, thường xuyên được đổi mới về nội dung, giao diện, hoạt động ổn định, cung cấp thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang Thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng.

Hiện nay, trong hệ thống mạng LAN, cơ quan UBND xã có cài đặt phần mềm virus có bản quyền (BKav). Đến nay, hệ thống mạng Lan trong cơ quan chưa xảy ra tình trạng mất an toàn thông tin.

Hiện nay, trong hệ thống mạng LAN, cơ quan UBND xã có thiết bị tường lửa, đang thực hiện và cài đặt phần mềm virus có bản quyền. Đến nay, hệ thống mạng an trong cơ quan chưa xảy ra tình trạng mất an toàn thông tin.

b) Tồn tại, hạn chế: các nền tảng chưa được sử dụng hết các ứng dụng trên phần mềm.

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được: Hiện nay UBND xã chưa có cán bộ chuyên trách CNTT, chỉ có 01 công chức kiêm nhiệm, Công chức văn hóa- xã hội được giao phụ trách việc triển khai ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan; thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng đối với 05/05 thôn trên địa bàn xã.

Trong năm 2023, cử cán bộ, công chức, BCD chuyển đổi số xã, tổ công nghệ số các thôn tham gia đầy đủ các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về an toàn thông tin và chuyển đổi số do cấp huyện và cấp tỉnh tổ chức.

Phân công 01 công chức Văn phòng- Thống kê kiêm nhiệm về công tác An toàn thông tin và 01 công chức Văn hóa- Xã hội kiêm nhiệm công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã.

b) Tồn tại, hạn chế: Công tác an toàn thông tin và Chuyển đổi số tại UBND cấp xã chủ yếu là do 01 công chức kiêm nhiệm(Đến tháng 11/2023 mới phân công thêm 1 công chức Văn phòng – Thống kê kiêm nhiệm về công tác an toàn thông tin) nên đôi khi xử lý công việc còn lúng túng, chưa cập nhật kịp các ứng dụng phần mềm khi triển khai thực hiện.

7. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được: Triển khai thực hiện các văn bản của tỉnh, sở Thông tin và Truyền thông, của UBND huyện về bảo đảm an toàn thông tin mạng; trong năm, Chủ tịch UBND xã đã ban hành quyết định phê duyệt quy chế an toàn hệ thống thông tin và An toàn dữ liệu; Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức và đào tạo nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã.

Hiện nay trên địa bàn xã đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cấp độ 1. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng được tăng cường và triển khai đồng bộ, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Cổng dịch công tỉnh; hệ thống một cửa điện tử cấp xã; hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc (TD-Office).

b) Tồn tại, hạn chế: Thiếu các trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin mạng; các hệ thống thông tin còn tồn tại lỗ hổng bảo mật, tiềm ẩn nguy cơ gây mất dữ liệu, lây nhiễm các phần mềm độc hại ảnh hưởng đến ứng dụng và phát triển CNTT. Chưa có một hệ thống hoàn chỉnh trong việc giám sát, phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công trên diện rộng vào các hệ thống thông tin trên địa bàn xã.

Hiện nay việc sử dụng các phần mềm bản quyền diệt virus còn tốn kém kinh phí, một số cán bộ công chức chưa thực sự quan tâm đến vấn đề bảo mật thông tin nên phần mềm diệt virus bản quyền vẫn chưa được trang bị đầy đủ.

8. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

- Về cấp chứng thư số cá nhân cho người có thẩm quyền ký văn bản.

100% các đồng chí lãnh đạo, người có thẩm quyền ký văn bản của UBND xã đã được cấp chứng thư số.

100% cán bộ, công chức xã đã được cấp hộp thư công vụ cá nhân.

100% cán bộ công chức cấp xã được cấp thiết bị ký số cá nhân thuộc 25 dịch vụ công thiết yếu.

Về thực hiện sử dụng Phần mềm QLVB & HSCV trên phần mềm TDOOffice.(số liệu tính đến ngày (30/11/2023) 100% các cán bộ, công chức được phân công đã thực hiện trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử. Tỷ lệ văn bản đi có ký số cơ quan trên văn bản điện tử đạt 100 % Tỷ lệ văn bản đi có ký số lãnh đạo trên văn bản điện tử đạt 100 %.

Kết quả xử lý, ký số văn bản điện tử trên môi trường mạng. Tổng số văn bản đến UBND xã có 2.214 văn bản. Tổng số văn bản UBND xã phát hành: 1761 văn bản, đạt 79,5%.

Năm 2020 thực hiện xây triển khai đưa vào sử dụng phòng họp không giấy, Hệ thống phòng họp trực tuyến được huyện đầu tư lắp đặt năm 2021 đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến 4 cấp.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 1 phần. (Số liệu tính đến 31/11/2023), tổng số hồ sơ tiếp nhận qua Cổng dịch vụ công và phần mềm một cửa điện tử là 427 hồ sơ; Số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến qua mạng: 427 hồ sơ. Hệ thống Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh và phần mềm Một cửa điện tử hoạt động ổn định, hiệu quả, công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Thực hiện TTHC mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần đẩy mạnh CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Có 01 cổng thông tin điện tử của xã và các ứng dụng trên điện thoại thông minh thường xuyên cập nhật thông tin, từ đó giúp tăng cường công tác, chỉ đạo, điều hành và tương tác giữa chính quyền với người dân... Duy trì hiệu quả kênh giao tiếp với người dân thông qua hệ thống Zalo OA.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Về cơ sở vật chất tại bộ phận một cửa của UBND xã bố trí chưa hợp lý, chưa đảm bảo theo quy định.

- Việc thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính còn chưa đầy đủ, cập nhật quy trình các thủ tục mới còn chưa kịp thời.

- Việc tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích còn hạn chế, do công dân chưa quen với việc thực hiện gửi và nhận hồ sơ qua dịch vụ Bưu chính, tâm lý còn sợ tốn tiền...

- Chưa có chế độ chính sách đối với cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa xã, cán bộ quản lý CNTT tại xã.

- Công chức làm công tác kiểm soát TTHC của xã việc kiêm nhiệm, thực hiện nhiều nhiệm vụ, ảnh hưởng ít nhiều đến kết quả kiểm soát TTHC của đơn vị.

9. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được: UBND xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các chủ thể (Doanh nghiệp, HTX, Chủ hộ sản xuất kinh doanh) tham gia Chương trình OCOP; tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình OCOP và ban hành cơ chế hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn. Tuy nhiên hiện nay xã Cẩm Châu chưa được công nhận sản phẩm OCOP. Hiện nay Cẩm Châu được công nhận 01 sản phẩm Viet Gahp là sản phẩm Mật ong do Ông Quách Văn Cường- thôn Trung Độ làm chủ cơ sở nuôi ong lấy mật.

b) Tồn tại, hạn chế: Chủ thể HTX chưa thực sự năng động, chủ động trong việc kết nối, tìm hướng đầu ra cho sản phẩm, chưa quảng bá sâu rộng sản phẩm của mình trên các phương tiện, truyền thông, quảng cáo,...

- Cơ sở hạ tầng đầu tư cho sản xuất, chế biến chưa đạt yêu cầu đề ra.

- Các sản phẩm tiềm năng, sản phẩm lợi thế của địa phương không có nhiều, chủ yếu là các sản phẩm thô chưa qua sơ chế, chế biến, bảo quản.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được: Việc thực hiện phát triển xã hội số đã triển khai các phần mềm trong hệ sinh thái giáo dục thông minh như: phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, cài đặt các ứng dụng vnEdu Teacher, vnEdu Connect để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh cập nhật thông tin, tương tác giữa nhà trường, gia đình và xã hội, có 02/02 trường (TH, THCS) sử dụng các dịch vụ trên;

Đến thời điểm hiện tại đã cấp được 4224 căn cước gắn chip, số lượng công dân có tài khoản định danh điện tử 2.198 trong đó đã kích hoạt 2.108 chưa kích hoạt 90 tài khoản, đảm bảo lộ trình thực hiện đề án số 06. Đã tạo lập 6026/6026 hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân trên địa bàn đạt 100%. Có 23 điểm, 32 mắt camera lắp

tại ở các thôn để giám sát, hỗ trợ bảo đảm an ninh trật tự. trên địa bàn xã, Có 5/5 thôn lắp đặt wifi miễn phí tại các nhà văn hóa phục vụ người dân truy cập internet.

Tỷ lệ hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt là: 392 hộ đạt 30%.

Tỉ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh là 2269 Người, đạt 70%

Số doanh nghiệp, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử trên địa bàn huyện là 8 doanh nghiệp.

Số người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt tại ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn, Viettel, Viet com bank, Viet tin bank..... Là 2.107 tài khoản.

11. Kinh phí thực hiện.

Hiện nay chưa có nguồn kinh phí phân bổ dành riêng cho các hoạt động về CNTT chủ yếu chi vào nguồn chi hợp pháp khác .

PHẦN II: NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyên đổi số tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Nghị quyết số 214/2022/HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND về ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022- 2026;

Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/5/2022 về phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số và xã hội số;

Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy mạnh bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Quyết định số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyên đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025;

Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực

chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Chương trình số 54/CTr-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Truyền thông thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng quốc gia về quản trị và kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch hành động số 63- KH/HU ngày 14/04/2022 của Huyện ủy Cẩm Thủy về thực hiện Nghị quyết số 06- NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện;

Kế hoạch số 26KH/UBND ngày 11/02/2022 về việc Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Cẩm Thủy;

Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 03/03/2022 của UBND xã Cẩm Châu về việc chuyển đổi số trên địa bàn xã đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Theo hướng dẫn số:3245/UBND-VHTT ngày 15/12/2023 của UBND huyện Cẩm Thủy về việc hướng dẫn, giao xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 và các văn bản liên quan khác, Ủy ban nhân dân xã Cẩm Châu xây dựng kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU.

Chú trọng phát triển, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền số, góp phần phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số,

nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn xã. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm đổi mới căn bản, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và an toàn dữ liệu trên địa bàn xã

- Chuyển đổi số tổng thể và toàn diện từ cơ quan nhà nước, đến người dân, doanh nghiệp về phương thức sản xuất, đời sống sinh hoạt, cách thức lao động dựa trên công nghệ số.

- Hoàn thành các mục tiêu trong nhóm trụ cột chuyển đổi số: Hạ tầng số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

II. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

1.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Mời Bí thư Đảng ủy hoặc Chủ tịch UBND xã tham dự đầy đủ hội nghị chuyển đổi số các cấp tổ chức. Tổ chức 05 hội nghị cấp xã về chuyển đổi số trong đó có Bí thư Đảng ủy hoặc Chủ tịch UBND xã chủ trì.

- Tham gia các chương trình tuyên truyền, tập huấn về chuyển đổi số cho CBCC xã, cấp thôn và tổ công nghệ số do cấp huyện tổ chức;

- Tổ chức chương trình tuyên truyền, tập huấn cho CBCC cấp xã, thôn, về công nghệ số.

- Trang/cổng thông tin điện tử xã có số lượng tin bài trong năm đạt từ 50 đến 70 tin bài. Tần suất Đài truyền thanh xã phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số đạt 6 lần/ tháng.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Thường xuyên chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số trên địa bàn, trên kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia trên zalo và trên trang Câu chuyện Chuyển đổi số (<https://t63.mic.gov.vn>) trên các nhóm zalo của cơ quan, đơn vị và tổ công nghệ số cộng đồng.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số” trên Zalo

100% cán bộ công chức, viên chức cấp xã, tổ công nghệ số các thôn tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác. Việc tham gia chỉ đơn giản bằng cách sử dụng Zalo và thực hiện quét mã QR, theo hướng dẫn của phòng Văn hoá và Thông tin huyện.

2. Thể chế số

- Kiện toàn, hoàn thiện bổ sung Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã, nêu rõ trách nhiệm của từng thành viên BCD trong việc chuyển đổi số ngành, lĩnh vực.

- Ban hành 01 kế hoạch hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT).

- Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên chuyển đổi số (SMEdx), với sự tham gia đánh giá chỉ số chuyển đổi số trên công đánh giá của doanh nghiệp.

- Tiếp tục quán triệt thực hiện đầy đủ nghiêm túc các văn bản của Trung ương, của tỉnh và của ngành về Chuyển đổi số.

- Xây dựng và ban hành quy định về việc phát triển hạ tầng thông tin cho chính quyền số, đảm bảo việc xây dựng, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin của chính quyền số tương thích với khung công nghệ và các nguyên tắc xây dựng chính quyền số.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch gắn với chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp thực hiện các giao dịch điện tử, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng công nghệ, dịch vụ thông minh vào cuộc sống để nâng cao chất lượng sinh hoạt, học tập và làm việc.

- Đẩy mạnh thực hiện hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo hướng dẫn tại Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Hạ tầng số

100% Tỷ lệ cán bộ CBCC, VC được trang bị máy tính phục vụ công việc (gồm cả máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)

100% Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet băng rộng (trừ các máy tính xử lý tài liệu mật theo quy định)

100% Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng 100% Tỷ thôn trên địa bàn xã được phủ sóng di động 4G/5G.

100% Tỷ lệ thôn có hạ tầng mạng băng rộng cáp quang bao phủ.

80% Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

100% Có hệ thống Camera an ninh trên địa bàn kết nối về UBND xã hoặc Công an xã để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành an toàn xã hội, an toàn giao thông,...

100% Triển khai các hệ thống Wifi công cộng miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân tại các điểm công cộng (như các điểm Nhà Văn hóa thôn, Bộ phận một cửa UBND cấp xã...)

UBND cấp xã có hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến (Không gồm hệ thống khối Đảng) UBND cấp xã đã triển khai hệ thống phòng họp không giấy tờ.

4. Dữ liệu số.

- Hoàn thành 100% các dữ liệu số trên địa bàn đã và đang thực hiện theo chủ trương của Trung ương, các bộ ban ngành và của tỉnh, huyện như: Hệ thống QLVB HSCV, Hệ thống một cửa điện tử, dữ liệu định danh điện tử, dữ liệu đất đai, dữ liệu BTXH, hộ tịch, hồ sơ sức khỏe điện tử, BHYT...

- Phối hợp với các ngành cấp trên trong việc rà soát, cập nhật, bổ sung các dữ liệu vào các cơ sở dữ liệu theo ngành, lĩnh vực.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu của tỉnh và của quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0 của tỉnh.

- Triển khai hiệu quả công tác số hoá hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (GSP).

5. Nền tảng số

- Đảm bảo hoàn thành 100% các nhiệm vụ triển khai, xây dựng và phát triển nền tảng số do cấp tỉnh, cấp bộ triển khai: Nền tảng dịch vụ đám mây; Nền tảng giáo dục trực tuyến ...

- Tích cực, chủ động đầu mối, phối hợp với các cơ quan chủ quản nền tảng số đã UBND tỉnh định hướng tại công văn số 8908/UBND-CNTT ngày 21/6/2022 và Sở Thông tin và Truyền thông để tổ chức triển khai sử dụng.

- Triển khai nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) phục vụ giám sát, cảnh báo; chỉ đạo, điều hành; phân tích và xử lý dữ liệu; quản lý chỉ số hiệu suất (KPIs); quản lý quy trình nghiệp vụ; báo cáo thống kê; mô phỏng và dự báo. Giúp lãnh đạo các cấp có khả năng giám sát, điều hành, hỗ trợ chỉ huy và quản lý một cách tổng thể với việc ứng dụng các công nghệ phân tích dữ liệu hoặc trí tuệ nhân tạo; mang đến hiệu quả, cơ hội phát triển các ngành, lĩnh vực và kinh tế - xã hội.

6. Nhân lực số

Xây dựng Ban Chỉ đạo chuyên đổi số cấp xã.

100% UBND xã, thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyên đổi số cấp xã cho phù hợp với tình hình thực tế.

100% Thôn, làng có tổ công nghệ số cộng đồng và được kiện toàn cho phù hợp với tình hình thực tế.

100% Công chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số

100% Công chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng

Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số

50%

Các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).

7. An toàn thông tin mạng

100% cơ quan tUBND xã đảm bảo kết nối qua mạng truyền số liệu chuyên dùng.

100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

Tối thiểu 90% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ.

50% trường tiểu học, THCS, THPT và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.

8. Chính quyền số

100% Trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.

100% hồ sơ xử lý trực tuyến.

100% Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT Triển khai nền tảng hợp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc huyện, thị xã, thành phố và đến từng thiết bị cá nhân.

100% Lãnh đạo cấp xã được cấp chứng thư số

100% CBCC được cấp chứng thư số 100% CBCC được cấp chứng thư số trong thực hiện 25 dịch vụ công thiết yếu .

100% Văn bản điện tử được ký số của cơ quan, đơn vị ban hành văn bản.

100% Văn bản điện tử được ký số của người có thẩm quyền.

100% CBCC xã được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ Triển khai số hóa, xây dựng CSDL chuyên ngành.

Thực hiện kiểm tra các ngành, lĩnh vực chuyên môn UBND xã được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý thường xuyên.

9. Kinh tế số

10% Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh (DN) tiếp cận, tham gia chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEdx)

50% Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số

80% Doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử

60% Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định.

5% Số hộ sản xuất nông nghiệp (SXNN), doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia sàn thương mại điện tử.

100% Sản phẩm OCOP, sản phẩm thế mạnh của địa phương đưa lên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart.

10. Xã hội số

Xác định những nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra của địa phương, bảo đảm phù hợp với nội dung về phát triển xã hội số nêu tại Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- 50% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử.
- 30% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử.
- 50% tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền trên kênh trực tuyến.

III. GIẢI PHÁP

1. Xây dựng hạ tầng số

- Rà soát hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin của cơ quan UBND xã, đề xuất đầu tư, thay thế, sửa chữa hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho cán bộ, công chức.

- Triển khai kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đến toàn bộ cán bộ, công chức cơ quan nhà nước cấp xã, đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước cấp xã.

- Đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông phát triển hệ thống mạng internet băng rộng.

2. Hoạt động Chính quyền số

- Rà soát, đánh giá nâng cao chỉ tiêu tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến toàn trình và một phần trên cổng dịch vụ công; khảo sát lấy ý kiến hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Đề xuất với Văn phòng UBND các cấp, hướng dẫn thư điện tử công vụ cho CB, CC xã.

- Tiếp tục thực hiện tốt hệ thống một cửa điện tử, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

- Rà soát, đề nghị Viễn thông Thanh Hóa nâng cấp trang thông tin điện tử của xã nhằm tăng khả năng cung cấp thông tin và tạo kênh giao tiếp linh động với người dân, đảm bảo hoạt động của trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.

3. Hoạt động Kinh tế số

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.

- Các ngành, đoàn thể, lĩnh vực chuyên môn liên quan phối hợp lựa chọn các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông sản tiêu biểu, có quy mô của địa phương đưa lên sàn thương mại điện tử VOSO, POSTMART.

- Rà soát các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh định hướng ứng dụng các công nghệ số trong hoạt động quản lý, bán hàng, hoạt động quảng bá sản phẩm.

- Rà soát hoạt động thương mại trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội của các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh để định hướng, hỗ trợ đẩy mạnh hoạt động thương mại trên môi trường mạng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân sử dụng các kênh thanh toán không dùng tiền mặt để giao dịch trực tuyến.

4. Hoạt động Xã hội số.

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn cho nhân dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã được thông tin, phổ biến, đào tạo về các dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ số.

- Rà soát, đánh giá để nâng cao tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác để đẩy mạnh tạo tài khoản thanh toán điện tử cho người dân.

- Rà soát tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại thông minh, đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh để sử dụng, ứng dụng công nghệ số.

- Phối hợp với ngành y tế, hướng dẫn người dân đăng ký hồ sơ sức khỏe điện tử, nhằm số hóa dữ liệu sức khỏe của nhân dân trong việc theo dõi và hỗ trợ khám, chữa bệnh.

5. Bảo đảm an toàn thông tin

- UBND xã bố trí phần kinh phí tự chủ trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền; 100% máy tính được cài đặt phần mềm virus có bản quyền; đầu tư ổ cứng có dung lượng lớn để hàng năm sao lưu các dữ liệu hồ sơ, văn bản quan trọng đảm bảo an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu.

- Hướng dẫn CB, CC, VC, NLD và nhân dân trên địa bàn đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình sử dụng thiết bị công nghệ, tham gia mạng xã hội một cách an toàn, phòng chống việc lộ lọt thông tin cá nhân, tài khoản.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN.

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và các nguồn hợp pháp khác.

Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên về ứng dụng Công nghệ thông tin trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện kế hoạch.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Phụ lục kèm theo)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao trong kế hoạch này các thôn, cơ quan; cán bộ, công chức chuyên môn liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xây dựng kế hoạch; phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổ chức triển khai thực hiện; tích cực, chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao; đề xuất cấp trên điều chỉnh những nội dung, nhiệm vụ do thực tế phát sinh, nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch và đảm bảo sự phù hợp với các mục tiêu, yêu cầu phát triển kinh tế xã hội toàn xã.

2. Các thành viên Ban chỉ đạo chuyên đổi số xã, căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ trước ngày 10/12 hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Chủ tịch UBND xã và huyện kết quả thực hiện, đồng thời, gửi báo cáo về Phòng văn hóa và Thông tin huyện để theo dõi và tổng hợp.

3. Chủ động phối hợp các Doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông, Công nghệ thông tin trên địa bàn chủ động ưu tiên các nguồn lực để khẩn trương đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng và các dịch vụ CNTT-TT; xác định việc thực hiện Kế hoạch này là một nhiệm vụ chính trị quan trọng về phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

4. Giao Công chức văn hóa – xã hội (Thông tin, truyền thông, thể thao, du lịch và gia đình) hướng dẫn các thôn, cơ quan, công chức chuyên môn liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; là cơ quan đầu mối tổng hợp, đôn đốc các ban, ngành, bộ phận chuyên môn trong quá trình tổ chức, thực hiện các công việc đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định; định kỳ tổng hợp báo cáo, kiến nghị UBND xã, Chủ tịch UBND xã các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số huyện Cẩm Thủy năm 2024, yêu cầu thủ trưởng các phòng, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng VHHT huyện;
- T.Tr: Đảng ủy; HĐND; UBND xã; Đề B/c
- Ban Tuyên giáo xã;
- Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã;
- Văn Phòng HĐND- UBND;
- Kế toán UBND xã;
- Bru điện xã;
- Các thôn;
- Lưu VT, VHXH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Quách Văn Mạnh

**PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI MỚI
NĂM 2024**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư	Dự kiến quy mô, nội dung thực hiện	Dự kiến TMDT	KP năm 2024	Chủ trương
1	Tham gia Tập huấn nghiệp vụ Chuyển đổi số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức xã	UBND huyện Cẩm Thủy	Tăng cường nhận thức về chuyển đổi số, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ công chức.		6.000.000	
2	Đầu tư trang bị máy tính cho Nhà VH 05 thôn	UBND xã Cẩm Châu	Phục vụ mục đích hành chính công và các nhiệm vụ có liên quan trong chuyển đổi số của cơ quan UBND xã		5.000.000	
3	Đầu tư 01 máy scan	UBND xã Cẩm Châu	Phục vụ mục đích hành chính công và các nhiệm vụ có liên quan trong chuyển đổi số của cơ quan UBND xã		2.500.000	
4	Đầu tư an toàn thông tin	UBND xã Cẩm Châu			9.000.000	